

Các đáp án đúng ở mỗi câu đều là đáp án A

Câu 1. XML là viết tắt của ?

- A. eXtensible Markup Language
- B. X-Markup Language
- C. Example Markup Language
- D. eXtra Modem Link

Câu 2. Tag nào sau đây là đúng:

- A. <Info>thayPhuongdeptra</Info>
- B. <! - -Info thayPhuongdeptra-- >
- C. <Info>thayPhuongdeptra</info>
- D. <Info>thayPhuongdeptra</>

Câu 3. Cho DTD sau, tài liệu XML nào mô tả đúng:

```
<!DOCTYPE address [  
  <!ELEMENT address (name,company,phone)>  
  <!ELEMENT name (#PCDATA)>  
  <!ELEMENT company (#PCDATA)>  
  <!ELEMENT phone (#PCDATA)>  

```

A.

<address>

<name>Tanmay Patil</name>

<company>TutorialsPoint</company>

<phone>(011) 123-4567</phone>

</address>

B.

```
<address>
  <name>Tanmay Patil</>
  <company>TutorialsPoint</company>
  <phone>(011) 123-4567</phone>
</address>
```

C.

```
<address>
  <name>Tanmay Patil</name>
  <company>TutorialsPoint
  <phone>(011) 123-4567</phone>
</address>
```

D.

```
<address>
  <name>Tanmay Patil</name>
  <company>TutorialsPoint</company>
  <phone>(011) 123-4567
</address>
```

Câu 4. Trong tạo nút DOM, phương thức nào sau đây sử dụng để tạo một nút phần tử mới:

- A. **createElement()**
- B. createAttribute()
- C. createTextNode()
- D. createComment()

Câu 5. Cho tài liệu XSD, tài liệu XML có thể nhận là:

```
<xs:schema xmlns:xs="http://www.w3.org/2001/XMLSchema">
  <xs:element name="employee">
    <xs:complexType>
      <xs:sequence>
        <xs:element name="lastname" type="xsd:string"/>
        <xs:element name="dateborn" type="xsd:date"/>
        <xs:element name="gender">
          <xs:simpleType>
            <xs:restriction base="xsd:string">
              <xs:pattern value="male|female"/>
            </xs:restriction>
          </xs:simpleType>
        </xs:element>
      </xs:sequence>
    </xs:complexType>
  </xs:element>
</xs:schema>
```

A.

```
<employee>
  <lastname>Refsnes</lastname>
  <dateborn>1970-03-27</dateborn>
  <gender>male</gender>
```

</employee>

B.

<employee>

<lastname>Refsnes</lastname>

<dateborn>1970-03-27</dateborn>

<gender>nữ</gender>

</employee>

C.

<employee>

<lastname>Refsnes</lastname>

<gender>male</gender>

<dateborn>27-03-1970</dateborn>

</employee>

D. Không có tài liệu XML nào thỏa mãn.

Câu 6. Cho tài liệu XML:

<users>

<user>

<name>

<first>Lola</first>

<last>Solis</last>

</name>

<age>2</age>

</user>

<user>

<name>

<first>Nina</first>

<last>Serafina</last>

```

</name>
<age>4</age>
<visits>
  <first>2008-01-15</first>
  <last>2008-02-15</last>
</visits>
</user>
<user>
  <name>
    <first>Tracy</first>
    <last>Keller</last>
  </name>
  <age>35</age>
</user>
</users>

```

sử dụng biểu thức Xpath, chọn các tên họ của người dùng dưới 18 tuổi

- A. **`/user[age lt 18]/name/last/text()`**
- B. `/user[age gt 18]/name/last/text()`
- C. `/user[age eq 18]/name/last/text()`
- D. `/user[age lt 18]/age/last/text()`

Câu 7. Cho tài liệu XML như câu 6, chọn phần tử age là con của phần tử user cuối cùng

- A. **`/user[last()]/age`**
- B. `/user[age last()]/age`
- C. `Last()/user/age`
- D. Tất cả đều đúng

Câu 8. Chọn câu trả lời đúng cho Xquery:

- A. **Dùng để tìm kiếm và trích rút các phần tử ,thuộc tính từ tài liệu XML**
- B. Trong Xquery, không phân biệt chữ hoa và chữ thường
- C. Dùng order by(tùy chọn) để xác định tiêu chuẩn.
- D. Không có câu trả lời nào đúng.

Câu 9. Dựa trên phương pháp khoảng cách Levenshtein, độ tương đồng giữa hai chuỗi $s_1 = \text{miserable}$ và $s_2 = \text{miracle}$ bằng bao nhiêu?

- A. **2/3**
- B. 1/3
- C. 3/4
- D. 1/5

Câu 10. XSL gồm 3 phần:

- A. **XSLT, XPath, XSL-FO**
- B. XSLT, Xquery, Xpath
- C. DTD, XPath, XSL-FO
- D. Không có đáp án nào đúng.